

Bản án số: 11/2021/DSST
Ngày : 28-5-2021
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Hùng và ông Nguyễn Ký.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-DS ngày 06/01/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 26/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021 ngày 12/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thái H**, sinh năm 1966.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1973.

Đồng trú: Thôn N, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/9/2019, tôi có cho ông Nguyễn Hữu T vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Tuy nhiên đến nay ông T vẫn không trả nợ cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc ông T trả đủ cho tôi 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai đề ngày 17/3/2021 và biên bản hòa giải đề ngày 19/3/2021, bị đơn trình bày: Tôi thừa nhận có vay, hiện còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn Nguyễn Thái H, số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Tuy nhiên, hiện nay tôi không có khả năng thanh toán. Tôi sẽ trả cho ông Nguyễn Thái H 80.000.000 đồng khi nào có khả năng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được đã được triệu hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ tranh chấp: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại thôn N, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại các Điều 184 và 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Xét thấy, bị đơn Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu hoãn tố. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền bản viết tay đề ngày 07/9/2019. Đây là hợp đồng dân sự vay tài sản do hai bên tự nguyện giao kết, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ ngày giao kết. Hợp đồng này thể hiện vay số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, không đề cập thời hạn trả tiền. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả đủ cho tôi 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn xác nhận có vay và hiện còn nợ nguyên đơn 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên, vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 80.000.000 đồng.

[4] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch với số tiền án phí phải chịu là $5\% \times 80.000.000 \text{ đồng} = 4.000.000 \text{ đồng}$ (Bốn triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 185, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thái H.

2. Buộc bị đơn Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả đủ cho nguyên đơn Nguyễn Thái H số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bị đơn Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 80.000.000 \text{ đồng} = 4.000.000 \text{ đồng}$ (*Bốn triệu đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thái H 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006303 ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện S (02);
- THADS huyện S;
- Các đương sự (02);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

